

3. Đối với các khoản nợ vay được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, các tổ chức tín dụng phải báo cáo theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với tổ chức tín dụng.”.

7. Khoản 1 Điều 23 được sửa đổi như sau:

“1. Khách hàng vay bị tổn thất về tài sản dẫn đến khó khăn về tài chính”.

Điều 2. Cụm từ “pháp nhân” tại Điều 7 và Điều 10 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước được thay bằng cụm từ “tổ chức”.

Điều 3. Định kỳ, các tổ chức tín dụng căn cứ vào tình trạng trả nợ vay, kết quả đánh giá hoạt động kinh doanh, khả năng tài chính và trả nợ của khách hàng vay để phân loại nợ vay của khách hàng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Bãi bỏ quy định tại các văn bản: Quyết định số 688/2002/QĐ-NHNN ngày 01/7/2002 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc thực hiện chuyển nợ quá hạn các khoản nợ vay của khách hàng tại các tổ chức tín dụng; Công văn số 405/NHNN-CSTT ngày 16/4/2002 về

việc hướng dẫn thực hiện quy định về chuyển nợ quá hạn; Công văn số 950/NHNN-CSTT ngày 03/9/2002 về chuyển nợ quá hạn đối với trường hợp chậm trả nợ gốc, lãi vốn vay; Công văn số 1140/NHNN-CSTT ngày 29/9/2003 về việc áp dụng lãi suất nợ quá hạn và thời điểm tính lãi nợ quá hạn; các quy định khác trái với Quyết định này.

Điều 5. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc chi nhánh các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc (Giám đốc) các tổ chức tín dụng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG
NHÀ NƯỚC

Lê Đức Thúy

QUYẾT ĐỊNH số 140/2005/QĐ-NHNN
ngày 07/02/2005 của Thống
đốc Ngân hàng Nhà nước ban
hành Quy chế xét tặng Kỷ
niệm chương “Vì sự nghiệp
Ngân hàng Việt Nam”.

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG
NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Ngân hàng nhà nước Việt Nam ngày 12/12/1997; Luật sửa đổi, bổ

sung Luật Ngân hàng nhà nước Việt Nam ngày 17/6/2003;

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26/10/2003;

Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05/11/2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ngân hàng Nhà nước,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Ngân hàng Việt Nam”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo, thay thế Quyết định số 208/2003/QĐ-NHNN ngày 10/3/2003 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước ban hành kèm theo Quy chế xét thưởng Huy chương “Vì sự nghiệp Ngân hàng Việt Nam”.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc ngành ngân hàng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG
NHÀ NƯỚC

Lê Đức Thúy

QUY CHẾ xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Ngân hàng Việt Nam”

(ban hành kèm theo Quyết định số 140/2005/QĐ-NHNN ngày 07 tháng 02 năm 2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước).

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Ngân hàng Việt Nam” (gọi tắt là Kỷ niệm chương) là hình thức khen thưởng của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước để ghi nhận sự cống hiến của các cá nhân trong và ngoài ngành ngân hàng có nhiều đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và phát triển ngành Ngân hàng Việt Nam.

Điều 2. Kỷ niệm chương chỉ xét tặng một lần cho cá nhân và được trao tặng hàng năm vào dịp kỷ niệm ngày thành lập ngành Ngân hàng Việt Nam (ngày 6 tháng 5).

Chương II

ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN VÀ QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI ĐƯỢC TẶNG KỶ NIỆM CHƯƠNG “VÌ SỰ NGHIỆP NGÂN HÀNG VIỆT NAM”

Điều 3. Đối tượng được xét tặng Kỷ niệm chương gồm:

1. Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động (sau đây gọi là cán bộ) đã và đang làm việc trong ngành ngân hàng (kể cả những người đã mất);

2. Người ngoài ngành ngân hàng (kể cả người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài đã, đang làm việc tại Việt Nam).

Điều 4. Tiêu chuẩn xét tặng Kỷ niệm chương đối với cán bộ trong ngành ngân hàng

1. Tiêu chuẩn chung: Có thời gian công tác trong ngành ngân hàng đủ 25 năm đối với nam và cả 20 năm đối với nữ, hoàn thành nhiệm vụ được giao.

2. Cán bộ đương nhiên được tặng hoặc được truy tặng Kỷ niệm chương gồm: Cán bộ ngân hàng đã hy sinh được công nhận là Liệt sỹ; cán bộ tham gia Ban trụ bị thành lập Ngân hàng Quốc gia Việt Nam; cán bộ ngân hàng tham gia chiến trường B từ năm 1968 về trước; cán bộ ngân hàng được Nhà nước tặng thưởng các danh hiệu: Huân chương Sao vàng; Huân chương Hồ Chí Minh; Huân chương Độc lập các hạng; Anh hùng Lao động và các đồng chí là lãnh đạo Ngân hàng nhà nước;

3. Cán bộ được ưu tiên khi xét tặng Kỷ niệm chương:

a) Cán bộ công tác trong ngành ngân hàng từ ngày 06/5/1951 đến ngày 07/5/1954

và có thời gian công tác liên tục đủ 10 năm khi xét tặng.

b) Cán bộ ngân hàng tham gia chiến trường B, C, K thời kỳ kháng chiến chống Mỹ (từ 01/01/1969 đến 30/4/1975) thì thời gian công tác được nhân hệ số 2 (một năm bằng 2 năm) khi xét tặng;

c) Cán bộ trước đây công tác trong ngành ngân hàng được cử đi Bộ đội, Thanh niên xung phong, đi học hoặc chuyển sang các ngành khác công tác sau tiếp tục về lại ngành ngân hàng công tác thì thời gian đó vẫn được tính là thời gian công tác liên tục trong ngành ngân hàng khi xét tặng;

d) Riêng đối với cán bộ đang công tác trong ngành ngân hàng chuẩn bị nghỉ hưu (thời gian tính đến 30/5 hàng năm) nếu có đủ 24 năm 6 tháng đối với nam và 19 năm 6 tháng đối với nữ được tính đủ tiêu chuẩn về thời gian khi xét tặng.

4. Cán bộ bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở xuống chỉ được xét tặng khi có quyết định xóa kỷ luật, thời gian bị kỷ luật không được tính là thời gian công tác trong ngành ngân hàng khi xét tặng.

Điều 5. Tiêu chuẩn xét tặng Kỷ niệm chương đối với người ngoài ngành ngân hàng. Người ngoài ngành ngân hàng phải là người có những đóng góp trực tiếp, thiết thực, cụ thể vào hoạt động ngân hàng.

Điều 6. Không xét tặng Kỷ niệm chương đối với các trường hợp sau:

1. Những người bị kỷ luật trên mức cảnh cáo;
2. Những người đang bị cơ quan pháp luật truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc có liên quan đến các vụ án hình sự mà chưa có kết luận của cơ quan pháp luật có thẩm quyền;
3. Những người đã và đang chấp hành hình phạt: tù giam, án treo hoặc quản chế;

Các trường hợp quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều này chỉ được xem xét khi các cơ quan có thẩm quyền kết luận không vi phạm kỷ luật hoặc không phạm tội.

Điều 7. Các trường hợp đặc biệt và các trường hợp mang tính ngoại giao do Thống đốc Ngân hàng nhà nước quyết định tặng Kỷ niệm chương.

Điều 8. Quyền lợi của người được tặng Kỷ niệm chương.

Người được tặng Kỷ niệm chương được nhận Kỷ niệm chương, giấy chứng nhận của Thống đốc Ngân hàng nhà nước và quà lưu niệm (nếu có). Người được tặng Kỷ niệm chương có quyền lưu giữ, trưng bày và sử dụng Kỷ niệm chương. Không cấp lại Kỷ niệm chương trong bất kỳ trường hợp nào.

Chương III

QUY TRÌNH, HỒ SƠ VÀ THỜI GIAN XÉT TẶNG KỶ NIỆM CHƯƠNG “VÌ SỰ NGHIỆP NGÂN HÀNG VIỆT NAM”

Điều 9. Việc đề nghị tặng Kỷ niệm chương đối với cán bộ đã và đang làm việc trong ngành ngân hàng :

Thủ trưởng các đơn vị nơi quản lý cán bộ (kể cả cán bộ đã nghỉ hưu, đã mất hoặc đã chuyển công tác) lập tờ trình kèm hồ sơ những trường hợp đủ tiêu chuẩn, đúng đối tượng theo quy định trình Thống đốc Ngân hàng nhà nước xét tặng Kỷ niệm chương cho cá nhân thuộc đơn vị mình.

Điều 10. Việc đề nghị tặng Kỷ niệm chương đối với người ngoài ngành ngân hàng (kể cả người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài đã, đang công tác ở Việt Nam):

1. Đối với các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Quốc hội, Chính phủ do Văn phòng Ngân hàng nhà nước đề nghị.

2. Đối với các đồng chí lãnh đạo các Bộ, Ban, Ngành ở Trung ương; lãnh đạo các đoàn thể ở Trung ương; cán bộ, chuyên viên các Bộ, Ban, Ngành; người nước ngoài đã, đang công tác tại Việt Nam và người Việt Nam đã, đang công tác ở nước ngoài do Thủ trưởng các Vụ, Cục, đơn vị có quan hệ công tác trực tiếp đề nghị.

3. Đối với các đồng chí lãnh đạo tỉnh ủy, thành ủy, lãnh đạo Hội đồng Nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương do Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố đề nghị sau khi có ý kiến thống nhất của Ban cán sự Đảng Ngân hàng trên địa bàn.

Điều 11. Văn phòng Ngân hàng nhà nước là nơi tiếp nhận, kiểm tra và tổng hợp hồ sơ đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương trình Thống đốc Ngân hàng nhà nước quyết định.

Điều 12. Hồ sơ đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương đối với cán bộ trong ngành ngân hàng gồm:

1. Tờ trình Thống đốc Ngân hàng nhà nước do Thủ trưởng đơn vị ký tên đóng dấu (theo Mẫu biểu số 1 đính kèm).

2. Bảng kê khai quá trình công tác của cá nhân (theo Mẫu biểu số 02 đính kèm), có kiểm tra và xác nhận của Thủ trưởng đơn vị. Riêng đối với cá nhân đã, đang công tác tại các Vụ, Cục, Sở, ban, đơn vị tại Trụ sở chính Ngân hàng nhà nước Trung ương có kiểm tra và xác nhận của Vụ Tổ chức cán bộ.

3. Bảng tổng hợp kê khai của đơn vị (theo Mẫu biểu số 3 đính kèm).

4. Các tài liệu khác (nếu có).

5. Riêng đối với các đơn vị: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam; Ngân hàng đầu tư và phát

triển Việt Nam; Ngân hàng công thương Việt Nam; Ngân hàng ngoại thương Việt Nam; Ngân hàng chính sách xã hội; Ngân hàng phát triển nhà Đồng Bằng sông Cửu Long; Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam và Quỹ tín dụng Nhân dân Trung ương, hồ sơ gửi về Ngân hàng nhà nước gồm:

a) Tờ trình Thống đốc Ngân hàng nhà nước do Thủ trưởng đơn vị ký tên đóng dấu (theo Mẫu biểu số 1 đính kèm).

b) Bảng tổng hợp kê khai của đơn vị (theo Mẫu biểu số 3 đính kèm).

c) Các tài liệu khác (nếu có).

Bảng kê khai quá trình công tác của cá nhân (Mẫu biểu số 2) do đơn vị trình bảo quản và lưu giữ theo quy định.

Điều 13. Hồ sơ đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương đối với người ngoài ngành ngân hàng gồm:

1. Tờ trình đề nghị Thống đốc Ngân hàng nhà nước do Thủ trưởng đơn vị ký tên đóng dấu (theo Mẫu biểu số 01 đính kèm).

2. Bản tóm tắt thành tích, công lao đóng góp đối với sự nghiệp phát triển Ngân hàng Việt Nam (theo Mẫu biểu số 04 đính kèm), do đơn vị trình báo cáo.

3. Các tài liệu khác (nếu có).

Điều 14. Thủ trưởng đơn vị có trách nhiệm kiểm tra, tổng hợp toàn hệ thống (đơn vị) kèm hồ sơ theo quy định, trình

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. Thủ trưởng đơn vị trình chịu trách nhiệm trước Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về tính chính xác và việc đề nghị tặng Kỷ niệm chương cho các trường hợp do mình đề nghị.

Điều 15. Thời gian xét tặng Kỷ niệm chương

1. Việc tiếp nhận hồ sơ đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương của các đơn vị chậm nhất vào ngày 31 tháng 3 hàng năm, quá thời hạn trên Ngân hàng nhà nước không xét. Việc công bố và trao tặng của các đơn vị tổ chức vào dịp kỷ niệm ngày thành lập ngành 6/5 hàng năm.

2. Các trường hợp đặc biệt, đột xuất và ngoại giao do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định.

Chương IV

TỔ CHỨC TRAO TẶNG KỶ NIỆM CHƯƠNG “VÌ SỰ NGHIỆP NGÂN HÀNG VIỆT NAM”

Điều 16. Tổ chức trao tặng Kỷ niệm chương

1. Thủ trưởng đơn vị (đơn vị trình) có trách nhiệm tổ chức lễ trao tặng Kỷ niệm chương cho người được tặng thưởng.

2. Đối với các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Quốc hội, Chính phủ, lãnh đạo các Bộ, Ban, Ngành ở Trung ương, người nước ngoài thuộc các tổ chức Tài chính, Tiền tệ quốc tế do Văn phòng Ngân hàng nhà nước phối hợp với đơn vị liên quan tổ chức, lãnh đạo ngành trực tiếp trao tặng.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 17. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định.

Điều 18. Chánh Văn phòng Ngân hàng nhà nước tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này./.

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG
NHÀ NƯỚC

Lê Đức Thúy

Mẫu 1

Đơn vị:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TTr-.....

..... ngày tháng năm 20.....

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương
“Vi sự nghiệp Ngân hàng Việt Nam”

Kính gửi: THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
(qua Văn phòng Ngân hàng Nhà nước)

Căn cứ đối tượng, tiêu chuẩn quy định tại Quy chế xét tặng Kỷ niệm chương “Vi sự nghiệp Ngân hàng Việt Nam”, ban hành kèm theo Quyết định số..... /2005/QĐ-NHNN, ngày.../.../2005 của thống đốc Ngân hàng Nhà nước. (Đơn vị...) kính trình Thống đốc NHNN xét tặng Kỷ niệm chương cho cán bộ (hồ sơ đề nghị đính kèm), cụ thể:

1. Cán bộ, công chức, viên chức đang làm việc người.
2. Cán bộ, công chức, viên chức đã nghỉ hưu, nghỉ chế độ người (nếu có).
3. Cán bộ, công chức, viên chức đã chuyển công tác sang các ngành khác người (nếu có).
4. Cán bộ ngoài ngành Ngân hàng người (nếu có).

Các trường hợp trên đơn vị đã kiểm tra, đúng đối tượng, đủ tiêu chuẩn theo quy định.

Kính trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xét quyết định./.

Thủ trưởng đơn vị

Ký tên, đóng dấu

(Ghi rõ họ tên)

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VN

Đơn vị.....

BẢN KÊ KHAI QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC
ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG HUY CHƯƠNG "VÌ SỰ NGHIỆP NGÂN HÀNG"

Họ và tên:..... Nam, nữ..... Bí danh (nếu có):.....

Ngày tháng năm sinh:Điện thoại NR:

Quê quán:.....

Chỗ ở hiện tại:.....

Chức vụ, đơn vị công tác hiện tại:

(hoặc trước lúc về hưu):

Từ tháng năm	Đến tháng năm	Làm gì? ở đâu?	Thời gian làm công tác Ngân hàng	Thời gian quy đổi (nếu có)	Cộng thời gian để xét khen thưởng	Ghi chú (các vấn đề khác hoặc thời gian bị kỷ luật nếu có)
1	2	3	4	5	6	7

....., ngày..... tháng.... năm 200...

Xác nhận của Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Người kiểm tra
(Trưởng phòng TCHC (TCCB))

Người kê khai
(Ký tên)

